TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**105**/2026/HC- PT
Ngày: 25/3/2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng.**

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường** và ông **Đặng Kim Nhân.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn -** Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 216/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2025 về *"Khiếu kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2025/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 448A/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1935. Địa chỉ: Số E đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950. Địa chỉ: 2 đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Trần Công M1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số B đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn M2 - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: số D Mẹ S, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bị kiện: **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Địa chỉ: Số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông*** Nguyễn Văn T ***và ông*** Trần Công M1 ***trình bày****:*

Ngày 15/03/1995, UBND huyện H ban hành Quyết định 183/QĐ-UB V/v "Giao quyền sử dụng đất hoang hóa dùng vào mục đích trồng cỏ, phát triển chăn nuôi bò sữa".

Với nội dung chủ yếu sau:

"Điều 1. UBND huyện H đồng ý giao diện tích 4.366m^2 đất hoang hóa tại thôn T, xã H, huyện H cho ông Đỗ Xuân H và ông Phan Văn N để trồng cỏ dùng vào việc chăn nuôi bò sữa...

Điều 3. Thời hạn giao đất để sử dụng là 20 năm...

Điều 4. Giao chánh văn phòng UBND huyện, phòng kinh tế hạ tầng, trưởng các đơn vị liên quan, UBND xã và cá nhân liên quan căn cứ quyết định, thi hành.".

Từ khi có quyết định giao đất, ông Đỗ Xuân H và ông Phan Văn N đã hoàn tất các thủ tục để Tổ hợp tác chăn nuôi Ngọc T1 đi vào hoạt động.

Tuy nhiên, đến ngày 01/8/1998, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 4411/QĐ-UB V/v "Thu hồi đất, giao đất cho UBND quận L quản lý". Nội dung:

"Điều 1. Nay thu hồi khu đất có diện tích 4.366m^2 (Bốn ngàn ba trăm sáu mươi sáu mét vuông) loại đất nông nghiệp hiện do ông Phan Văn N và ông Đỗ Xuân H đang sử dụng. Giao cho UBND quận L quản lý toàn bộ khu đất trên để lập phương án sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

... Thu hồi Quyết định số 183/QĐ-UB ngày 15/03/1995 của UBND huyện H (cũ) về việc "Giao quyền sử dụng đất nông nghiệp dùng vào mục đích trồng cỏ và phát triển chăn nuôi bò sữa".

Như vậy, từ khi thành lập đến khi có quyết định thu hồi đất Tổ Hợp tác Ngọc tuyết hoạt động hơn 03 năm. Từ ngày 01/8/1998, Tổ hợp tác Ngọc T1 dừng hoạt động, Ban chủ nhiệm đối diện với một loạt các vấn đề như: Đời sống xã viên, thanh toán vốn góp (trả gốc, lãi xuất ngân hàng), tháo dỡ thanh lý vật tư vật liệu ..vv.

Thực tế UBND quận L chưa có phương án thu hồi đất do không có nhu cầu sử dụng, đến ngày 23/5/2002 UBND thành phố ban hành Quyết định 3862/QĐ-UB và Quyết định 3878/QĐ-UB thu hồi 975,8m^2 của ông Đỗ Xuân H và ông Phan

Văn N đang sử dụng giao cho Công ty M3 để sử dụng làm trạm xử lý nước thải P. Diện tích đất 3.390m^2 còn lại, UBND không hề sử dụng vào bất cứ việc gì mà giao cho ông Đỗ Xuân H trông coi (Thông báo số 217 do Ông Văn D ký ngày 04/5/2006).

Ông Đỗ Xuân H cho rằng Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 01/8/1989 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi 4.366m^2 đất giao cho UBND quận L đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên đã khiếu nại lên UBND thành phố yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 4.366m^2 đất cùng với tài sản trên đất gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu. Nên đã khiếu nại, ngày 06/01/2004 UBND thành phố Đ có Quyết định số 79/QĐ-UB trả lời khiếu nại nhưng ông H không đồng ý với quyết định 79/QĐ-UB, tiếp tục khiếu nại. Ngày 24/9/2004, thành phố ban hành Quyết định số 7644 giải quyết khiếu nại như sau: Không chấp nhận khiếu nại đền bù về đất thu hồi. Đồng ý hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề: 4.446.200 đồng.

Không đồng ý với phương án giải quyết của UBND thành phố, ông tiếp tục khiếu nại lên Chính phủ. Ngày 13/8/2014, Thanh tra Chính phủ có Báo cáo kết luận 1873/BC-TTCP về việc kiểm tra rà soát và đối thoại đối với 24 vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài tại thành phố Đà Nẵng (trong đó có vụ việc của ông H).

Báo cáo đồng ý với phương án của UBND thành phố, tuy nhiên báo cáo có đoạn nêu: UBND thành phố chỉ đạo xem xét bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất, công tôn tạo, chi phi đầu tư vào đất (nếu có) trên phần đất thực tế chưa thu hồi của ông H theo đúng quy định pháp luật.".

Ngày 06/11/2014, UBND thành phố ban hành Công văn số 10025/UBND-NCPC trả lời cho ông Đỗ Xuân H về hướng giải quyết của UBND thành phố, trong đó có đoạn nêu: "Giao UBND quận L kiểm tra và đề xuất việc bồi thường và hỗ trợ..." cho ông Đỗ Xuân H như Báo cáo 1873/BC-TTCP.

Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố, ngày 26/6/2015 UBND quận L ban hành Báo cáo 200/BC-UBND về việc "Tổ chức thực hiện CV số 10025/UBND-NCPC ngày 06/11/2014 của UBND thành phố" đề xuất hỗ trợ cho ông H.

1 - Cây cối vật kiến trúc: 96.925.000 đồng.

2 - Hỗ trợ diện tích đất 3.390m^2 theo mức 60% đơn giá 50.000.đ/m^2 = 101.706.000 đồng.

Ngày 07/9/2015 UBND thành phố ban hành Văn bản số 7059 "V/v xử lý kiến nghị của công dân", Nội dung:

1 - Khẳng định đã giải quyết đúng pháp luật.

2 - Đồng ý hỗ trợ 96.925.000 đồng.

3 - Không hỗ trợ về việc thu hồi 3.390,2m^2 như đề xuất của UBND quận L.

4 - Không chấp nhận bồi thường thiệt hại 4.250.000đồng theo yêu cầu của ông H.

Kể từ nay UBND và các cơ quan liên quan không tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H.

Không đồng ý về việc giải quyết không bồi thường 3.390m^2 đất thu hồi. Ông H tiếp tục khiếu nại lên Chính phủ.

Ngày 04/8/2016, Văn phòng C có Thông báo số 217/TB-VPCP "Ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trương Hòa B về việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân thành phố Đà Nẵng", Thông báo có đoạn nêu "Kiểm tra rà soát lại việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của Tổ hợp tác Ngọc T1 và có biện pháp giải quyết hỗ trợ phù hợp cho ông Đỗ Xuân H".

Ngày 15/01/2018, Văn phòng C có Công văn số 563/VPCP-V.I gửi UBND thành phố Đ "V/v Khiếu nại của một số công dân". Nội dung có đoạn nêu: "Chỉ đạo các cơ quan chức năng của thành phố xem xét rà soát nội dung khiếu nại của một số công dân chưa đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đ để có biện pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật".

Ngày 22/6/2021, UBND thành phố có Báo cáo số 168/BC-UBND về việc "Kết quả rà soát giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H".

"Qua kiểm tra rà soát vụ việc của ông Đỗ Xuân H không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.".

Ngày 10/11/2022, Văn phòng UBND thành phố Đ có Thông báo số 555/TB-VP gửi ông Đỗ Xuân H về kết quả xử lý đơn của ông Đỗ Xuân H: Căn cứ Thông báo 203/TB-UBND ngày 12/12/2018 về việc chấm dứt giải quyết khiếu nại, thống nhất cho lưu đơn.

Ngày 09/8/2023, ông có đơn khiếu nại về việc không thụ lý lần 1, giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 4411/QĐ-UB ngày 01/8/1989 V/v thu hồi đất không có mục đích, trái thẩm quyền... và Quyết định 3826/QĐ.UBND, ngày 23/5/2002 V/v thu hồi đất giao đất cho Công ty Môi trường đô thị thành phố M3. Diện tích 869,60m^2 ở tổ A, T, H, Liên Chiểu, Đà Nẵng là trái quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2023, UBND có Báo cáo số 294/BC-UBND về "Kết quả rà soát giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H" có nêu: "Qua xem xét nội dung đơn ngày 09/8/2023 của ông Đỗ Xuân H và các tài liệu kèm theo, nhận thấy không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc nên giữ nguyên quan điểm đã giải quyết trước đây".

Không đồng ý với nội dung Báo cáo 294/BC-UBND, ông H đã làm đơn tố cáo lần 1 (thực chất là khiếu nại) đề ngày 30/9/2023 cho rằng Chủ tịch UBND thành phố chủ quan, thiếu trách nhiệm trốn tránh giải quyết khiếu nại.

Ngày 08/01/2024, Chủ tịch UBND thành phố có Văn bản số 176/UBND-TTTP V/v "trả lời đơn của công dân", nội dung có đoạn: "Việc UBND thành phố ban hành Báo cáo 294/BC-UBND là căn cứ vào nội dung trình bày của ông Đỗ Xuân H trong Đơn khiếu nại ngày 09/8/2023, Đơn ngày 25/7/2023 và kết quả nghiên cứu kiểm tra, rà soát, hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H đối với việc thu hồi đất... Không chủ quan thiếu trách nhiệm như ông Đỗ Xuân H trình bày trong đơn".

Ngày 09/01/2024, ông Đỗ Xuân H có Đơn tố cáo (khiếu nại) đợt 2: Nội dung "Công văn số 176/UBND-TTTP ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ đứng trên pháp luật. Coi thường quyền dân chủ và tha hóa quyền lực của Chủ tịch UBND thành phố Đ.".

Ngày 16/01/2024, UBND thành phố có Báo cáo số 21/BC-UBND gửi Ban Tuyên giáo Trung ương về kết quả giải quyết vụ việc của ông Đỗ Xuân H. Nội dung báo cáo khẳng định UBND thành phố ban hành Báo cáo 294/BC-TTTP ngày 30/9/2023 là có cơ sở, không chủ quan, thiếu trách nhiệm như ông Đỗ Xuân H trình bày.

Đơn khiếu nại ngày 09/8/2023 không được UBND thành phố xem xét giải quyết thỏa đáng thể hiện tại Báo cáo số 294/BC-TTTP ngày 30/9/2023 là "không có gì mới làm thay đổi bản chất nên giữ nguyên quan điểm đã giải quyết trước đây" và Văn bản số 176/UBND-TTTP ngày 08/01/2024 một lần nữa khẳng định: "...căn cứ vào nội dung trình bày Đơn khiếu nại ngày 09/8/2023, Đơn khiếu nại 25/7/2023 và kết quả nghiên cứu, kiểm tra, rà soát hồ sơ tài liệu liên quan đến việc khiếu nại của ông Đỗ Xuân H... do vậy UBND thành phố ban hành Báo cáo 294/BC-TTTP ngày 30/9/2023 là có cơ sở".

Nội dung đơn khiếu nại ngày 09/8/2023, ông H đã phân tích rất rõ về việc thu hồi đất trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, UBND thành phố ban hành 02 quyết định giải quyết khiếu nại (quyết định 79 và quyết định 7644) nhưng đều chỉ dừng ở mức là hỗ trợ chứ chưa bồi thường đền bù đất theo luật đất đai 1993. Tại các Điều 5, 6, 7 Nghị định số 22/1998 ngày 24/4/1998 quy định rất cụ thể các trường hợp được đền bù và không đền bù khi thu hồi đất. Đây là vấn đề cần làm rõ trên cơ sở luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nội dung khiếu nại ngày 09/8/2023 đã chỉ ra các vấn đề trái pháp luật của Quyết định 4411/QĐ-UB ngày 01/8/1998 và Quyết định 3862/QĐ-UB ngày 23/5/2002 nhưng Chủ tịch UBND thành phố Đ đã không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo Đơn khiếu nại đề ngày 09/8/2023 của ông H.

Nay ông Đỗ Xuân H yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là trái pháp luật. Buộc Chủ

tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông H theo quy định của pháp luật.

**** Người khởi kiện ông*** Đỗ Xuân H ***thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông*** Nguyễn Văn T ***và ông*** Trần Công M1**.**

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông*** Trần Văn M2 ***thống nhất theo lời trình bày của ông*** Nguyễn Văn T ***và ông*** Trần Công M1**.**

**** Người bị kiện Chủ tịch*** UBND thành phố Đ ***có Văn bản số 1875/UBND-TTTP ngày 01/4/2025 trình bày về việc khởi kiện vụ án hành chính của ông*** Đỗ Xuân H***:***

Ngày 15/3/1995, UBND huyện H có Quyết định số 183/QĐ-UBND giao cho Tổ hợp tác Ngọc T1 (do ông Đỗ Xuân H và ông Phan Văn N đứng tên) diện tích 4.366m^2 đất tại thôn T, xã H để nuôi bò sữa.

Ngày 01/8/1998, UBND thành phố có Quyết định số 4411/QĐ-UB thu hồi 4.366m^2 đất của ông Đỗ Xuân H và ông Phan Văn N để giao UBND quận L quản lý, vì lý do Tổ hợp tác không đăng ký kinh doanh theo quy định (sau khi chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng), sử dụng đất không đúng mục đích, không làm đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất. Do UBND quận L chậm lập phương án sử dụng đất thu hồi theo quyết định trên nên ông H tiếp tục sử dụng đến tháng 5/2002.

Ngày 23/5/2002, UBND thành phố có Quyết định số 3862/QĐ-UB và Quyết định số 3878/QĐ-UB thu hồi 975,8m^2 của ông Đỗ Xuân H và ông Phan Văn N đang sử dụng (nằm trong 4.366m^2 đất nói trên) giao cho Công ty M3 xây dựng Trạm xử lý nước thải P. Trong quá trình đền bù thì Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng thành phố lại bồi thường cho ông Đỗ X (bảo vệ của Tổ hợp tác) nên ông H khiếu nại.

Ngày 06/01/2004, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 79/QĐ-UB nội dung: Khẳng định việc Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng thành phố đã áp giá đền bù tiền đất, công đào ao (không đền bù diện tích đất ao) cho ông H là đúng với quy định của Nhà nước. Chấp thuận khiếu nại của ông H về đền bù tài sản, hoa màu trên đất bị thu hồi; có biện pháp thu hồi số tiền 10.409.340 đồng đã chi sai cho ông Đỗ X và chỉ đạo chi trả tiền đền bù cho ông H theo quy định. Theo đó, ông H được UBND thành phố giải quyết hỗ trợ 60% theo giá đất nông nghiệp đồng bằng hạng 2, công đào ao với tổng giá trị là 13.381.080 đồng nhưng ông H không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 24/9/2004, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 7644/QĐ-UB không chấp nhận đơn khiếu nại của ông H (đại diện Tổ hợp tác

Ngọc T1) về đền bù thiệt hại nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu; giải quyết bố trí đất tái định cư; giải quyết hỗ trợ cho Tổ hợp tác Ngọc T1 một khoản tiền để Tổ hợp tác trả lại tiền cho tổ viên, trả nợ ngân hàng và bù đắp thiệt hại do việc thu hồi đất; khẳng định lại việc đền bù hỗ trợ nhà, đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu cho Tổ hợp tác do ông H đại diện là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật; đồng ý hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho Tổ hợp tác số tiền 4.446.200 đồng.

2. Kết quả kiểm tra, rà soát của thành phố và các cơ quan Trung ương kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố liên quan.

Thanh tra Chính phủ đã kiểm tra rà soát, có Báo cáo số 1116/TTCP-V.IV ngày 17/6/2008 với nội dung: Việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố là đúng quy định, thống nhất với nội dung Quyết định số 79/QĐ-UB và Quyết định số 7644/QD-UB của Chủ tịch UBND thành phố, được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Thông báo số 195/TB-VPCP ngày 05/8/2008 của Văn phòng C. Ngày 26/9/2008, Thanh tra Chính phủ có văn bản 2010/TTCP-VP yêu cầu ông Đỗ Xuân H chấm dứt khiếu nại.

Thực hiện việc kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài theo Kế hoạch số 1130/KH-TTCP ngày 10/5/2012 của Thanh tra Chính phủ, UBND thành phố đã kiểm tra, rà soát vụ việc của ông Đỗ Xuân H và ngày 21/01/2013, Chủ tịch UBND thành phố cùng với đại diện lãnh đạo Cục I thuộc Thanh tra Chính phủ và đại diện các sở, ban, ngành của thành phố đã tiếp ông Đỗ Xuân H. Do kết quả tiếp công dân không có tình tiết mới nên căn cứ Công văn số 2695/TTCP-VP ngày 19/10/2012 của Thanh tra Chính phủ, UBND thành phố đã ban hành Thông báo số 49/TB-UBND ngày 20/3/2013 chấm dứt thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H về nội dung khiếu nại nêu trên.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra rà soát 24 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài tại thành phố Đà Nẵng (trong đó có vụ việc của ông Đỗ Xuân H). Qua kiểm tra rà soát, tổ chức đối thoại với ông Đỗ Xuân H, Thanh tra Chính phủ đã kết luận và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ thống nhất với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố, đồng thời giao Chủ tịch UBND thành phố xem xét bồi thường hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc trên đất, công tôn tạo đất, chi phí đầu tư vào đất (nếu có) trên phần đất thực tế chưa thu hồi của ông H theo quy định của pháp luật. Nội dung kiến nghị nêu trên đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Công văn số 7864/VPCP-V.I ngày 08/10/2014 của Văn phòng C.

3. Kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 7864/VPCP-V.I ngày 08/10/2014 của Văn phòng C, UBND thành phố có Công văn số 10025/UBND-NCPC ngày 06/11/2014 giao UBND quận L kiểm tra và đề xuất việc đã giải quyết bồi thường hỗ trợ về tài sản,

vật kiến trúc có trên đất, công tôn tạo và chi phí đầu tư vào đất (nếu có) trên phần đất thực tế chưa thu hồi của ông Đỗ Xuân H theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2015, Chủ tịch UBND thành phố cùng với đại diện lãnh đạo Ban Nội chính Thành ủy, đại diện lãnh đạo Ủy ban M4 thành phố và đại diện lãnh đạo các sở, ngành liên quan đã tiếp 06 hộ dân, trong đó có ông Đỗ Xuân H. Ngày 12/6/2015, Văn phòng UBND thành phố có Thông báo số 142/TB-VP về kết quả tiếp dân cho ông Đỗ Xuân H, theo đó: Nội dung khiếu nại của ông Đỗ Xuân H đã được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến thống nhất với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố. Do đó yêu cầu chủ hộ chấm dứt khiếu nại và không xem xét, giải quyết các nội dung khiếu nại có liên quan đến nội dung khiếu nại nêu trên.

Ngày 26/6/2015, UBND quận L có Báo cáo số 200/BC-UBND đề xuất UBND thành phố xem xét, giải quyết hỗ trợ cho ông Đỗ Xuân H, đến ngày 07/9/2015 UBND thành phố có Công văn số 7059/UBND-NCPC thông báo kết quả giải quyết hỗ trợ cho ông Đỗ Xuân H biết.

Thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa B tại Thông báo số 217/TB-VPCP ngày 04/8/2016 (văn bản Mật) và Công văn số 536/VPCP-V.I ngày 15/01/2018 của Văn phòng C về việc xem xét, rà soát nội dung khiếu nại của một số công dân chưa đồng ý với giải quyết khiếu nại, UBND thành phố đã rà soát lại vụ việc khiếu nại của ông Đỗ Xuân H và khẳng định việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là đúng quy định của pháp luật nên đã ban hành Thông báo số 203/TB-UBND ngày 12/12/2018 về việc chấm dứt giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H.

4. Đối với đơn khiếu nại ngày 09/8/2023

Ngày 03/8/2023, Ban Thường vụ Thành ủy có Công văn số 4714-CV-XKT/TU về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân, theo đó chuyển đơn đề ngày 09/8/2023 của ông Đỗ Xuân H, trú tại số E đường H, phường H, quận L đến Ban cán sự đảng UBND thành phố, Ban Nội chính Thành ủy để chỉ đạo xử lý, trả lời công dân, báo cáo Thường trực Thành ủy (qua Ban Nội chính Thành ủy).

Mặc dù đơn đề ngày 09/8/2023 nêu trên có tiêu đề là khiếu nại nhưng trong nội dung đơn không xác định cụ thể đối tượng bị khiếu nại, người bị khiếu nại mà trình bày nhiều thông tin về việc xử lý, giải quyết đơn, thư của các cơ quan, đơn vị liên quan đến vụ việc khiếu nại của ông theo Quyết định số 79/QĐ-UB ngày 06/01/2004 và Quyết định số 7644/QĐ-UB ngày 24/9/2004 của Chủ tịch UBND thành phố. Qua xem xét đơn và tài liệu liên quan, nhận thấy không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất việc giải quyết trước đây, UBND thành phố đã có Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 30/9/2023 báo cáo kết quả giải quyết đơn cho Thường trực Thành ủy (qua Ban N1), đồng thời trả lời cho ông Đỗ Xuân H được biết.

Từ những nội dung trên, Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân thành phố không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2025/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 30, 32, 116, 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H về việc yêu cầu tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ đối với đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ông Đỗ Xuân H kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm, tuyên buộc UBND thành phố Đ chỉ đạo UBND phường H ban hành quyết định giao lại 3.390m^2 đất còn lại chưa đền bù, chưa sử cho ông H.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Đỗ Xuân H trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp thêm tài liệu là Phiếu chuyển đơn đề ngày 04/02/2026 của Văn phòng C, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Toà án nhân dân thành phố giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Chủ tịch UBND thành phố không thụ lý giải quyết đơn của ông H là có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Xuân H là đúng pháp luật. Tại phiên toà đại diện của ông H có cung cấp thêm tài liệu mới nhưng chỉ là phiếu chuyển đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ vắng mặt. Tuy nhiên, đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Mặt khác, tại phiên toà lần thứ nhất ngày 05/3/2026, Chủ tịch UBND thành phố Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt các phiên toà phúc thẩm đối với vụ án; đồng thời, tại Văn bản số 4979/UBND-TTTP ngày 22/12/2025, Chủ tịch UBND thành phố Đ có ý kiến giữ nguyên quan điểm như đã nêu tại Công văn số 1875/UBND-TTTP ngày 01/4/2025. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định.

[1.2] Về đối tượng, thẩm quyền khởi kiện: Người khởi kiện ông Đỗ Xuân H yêu cầu tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là trái pháp luật. Ông H yêu cầu Toà án buộc Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông theo quy định của pháp luật. Đây là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền của theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

[1.3.1] Ngày 09/8/2023, ông Đỗ Xuân H gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố Đ để khiếu nại đối với Quyết định số 4411/QĐ ngày 01/8/1998 về việc thu hồi đất đất của UBND thành phố Đ đã thu hồi của ông Đỗ Xuân H diện tích đất 4.366m^2 ở T, H, L, Đà Nẵng để giao cho UBND quận L quản lý và Quyết định số 3862/QĐ ngày 23/5/2002 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Môi trường đô thị thành phố M3 sử dụng để xây dựng Trạm xử lý nước thải P, diện tích 869,60m^2 ở tổ A, T, H, L, Đà Nẵng là trái quy định pháp luật.

[1.3.2] Ngày 30/9/2023, UBND thành phố Đ có Báo cáo số 294/BC-UBND với nội dung trả lời cho ông H như sau: *"Qua xem xét nội dung đơn ngày 09/8/2023 của ông* Đỗ Xuân H *và các tài liệu kèm theo*, *nhận thấy không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc nên giữ nguyên quan điểm đã giải quyết trước đây"*.

[1.3.3] Không đồng ý với nội dung Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 30/9/2023, ông H đã làm đơn khiếu nại đối với nội dung Báo cáo số 294/BC-UBND cho rằng Chủ tịch UBND thành phố chủ quan, thiếu trách nhiệm trốn tránh giải quyết khiếu nại.

[1.3.4] Ngày 08/01/2024, Chủ tịch UBND thành phố có Văn bản số 176/UBND-TTTP về việc trả lời đơn của công dân, nội dung có đoạn: *"Việc UBND thành phố ban hành Báo cáo số 294/BC-UBND là căn cứ vào nội dung trình bày của ông* Đỗ Xuân H *trong Đơn khiếu nại ngày 09/8/2023, Đơn ngày 25/7/2023 và kết quả nghiên cứu kiểm tra, rà soát, hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc giải quyết khiếu nại của ông* Đỗ Xuân H *đối với việc thu hồi đất... Không chủ quan thiếu trách nhiệm như ông* Đỗ Xuân H *trình bày trong đơn"*.

[1.3.5] Như vậy, kể từ ngày 08/01/2024, ông Đỗ Xuân H biết được Chủ tịch UBND thành phố Đ không thực hiện hành vi thụ lý giải quyết đơn khiếu nại cho ông, nên ngày 27/12/2024 ông H có đơn khởi kiện đến Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện, được Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Xuân H**:** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Đỗ Xuân H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Toà án nhân dân thành phố giải quyết lại vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông Đỗ Xuân H yêu cầu Toà án tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là trái pháp luật và yêu cầu Toà án buộc Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông theo quy định của pháp luật. Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H: Ngày 09/8/2023, ông Đỗ Xuân H gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố Đ để khiếu nại đối với Quyết định số 4411/QĐ ngày 01/8/1998 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất của ông Đỗ Xuân H diện tích đất 4.366m^2 ở T, H, L, Đà Nẵng để giao cho UBND quận L quản lý và Quyết định số 3862/QĐ ngày 23/5/2002 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất để giao cho Công ty Môi trường đô thị thành phố M3 sử dụng để xây dựng Trạm xử lý nước thải P, diện tích 869,60m^2 ở tổ A, T, H, L, Đà Nẵng là trái quy định pháp luật. Thấy rằng:

[2.2.1] Các Quyết định số 4411/QĐ ngày 01/8/1998 và Quyết định số 3862/QĐ ngày 23/5/2002 của UBND thành phố Đ đã được ông Đỗ Xuân H khiếu nại từ năm 2004 và đã được Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết tại

Quyết định số 79/QĐ-UB ngày 06/01/2004 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H và Quyết định số 7644/QĐ ngày 24/9/2004 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân H. Các quyết định giải quyết khiếu nại này đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Thanh tra Chính phủ đã kiểm tra rà soát và có Báo cáo số 1116/TTCP-V.IV ngày 17/6/2008 với nội dung: Việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố là đúng quy định, thống nhất với nội dung Quyết định số 79/QĐ-UB và Quyết định số 7644/QD-UB của Chủ tịch UBND thành phố, được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Thông báo số 195/TB-VPCP ngày 05/8/2008 của Văn phòng C. Ngày 26/9/2008, Thanh tra Chính phủ có Văn bản 2010/TTCP-VP yêu cầu ông Đỗ Xuân H chấm dứt khiếu nại.

[2.2.3] Như vậy, ngày 09/8/2023 ông Đỗ Xuân H tiếp tục khiếu nại đối với các quyết định thu hồi đất trên là thuộc trường hợp không thụ lý giải quyết khiếu nại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

[2.2.4] Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ không thực hiện hành vi thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại ngày 09/8/2023 của ông Đỗ Xuân H và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại ngày 09/8/2023 của ông Đỗ Xuân H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2.5] Từ những nhận định, phân tích tại các tiểu mục [2.2.1], [2.2.2], [2.2.3] và [2.2.4] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, việc Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H về việc yêu cầu Toà án tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông theo quy định của pháp luật là đúng pháp luật.

[2.3] Tại phiên toà, đại diện người khởi kiện cung cấp tài liệu là Phiếu chuyển số 400/PC-VPCP ngày 04/02/2026 của Văn phòng C. Theo nội dung phiếu chuyển thì Văn phòng C chuyển 20 đơn của 20 cá nhân, tổ chức đến Thanh tra Chính phủ để tiếp nhận, phân loại, xử lý theo quy định của pháp luật; trong đó có đơn của ông Đỗ Xuân H tại mục số 2 trong danh sách kèm theo. Xét đây chỉ là phiếu chuyển thông tin chứ không phải văn bản giải quyết hoặc chứa đựng thông tin giải quyết vụ việc khiếu nại. Do đó, không có ý nghĩa để xem xét trong việc giải quyết đối với đơn kháng cáo của người khởi kiện trong vụ án này.

[2.4] Từ các nhận định tại các mục [2.1], [2.3] và [2.3], Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không

có căn cứ để chấp nhận nên cần bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên toà đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Xuân H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông H được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định và tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Xuân H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2025/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Luật Khiếu nại; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân H về việc yêu cầu tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại và không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ đối với đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân H là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông Đỗ Xuân H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng